

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2014/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 19 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý đối với doanh nghiệp nhà nước
và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân
tỉnh Lào Cai làm chủ sở hữu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 303/TTr-STC ngày 07/7/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai làm chủ sở hữu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, thể thao và Du lịch, Thanh tra tỉnh, Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Giám đốc các doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Lào Cai làm chủ sở hữu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Doãn Văn Hưởng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp
có vốn nhà nước do UBND tỉnh Lào Cai làm chủ sở hữu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 35/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc phân công quản lý, giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai làm chủ sở hữu.

Các nội dung khác có liên quan đến quản lý, giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng Quy chế này gồm:

- a) Các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai làm chủ sở hữu;
- b) Các công ty cổ phần có vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công, giao nhiệm vụ quản lý, giám sát doanh nghiệp.

Chương II

PHÂN CÔNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC DO UBND TỈNH LÀM CHỦ SỞ HỮU

Mục 1

QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DO ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀM CHỦ SỞ HỮU

Điều 2. Nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ đối với công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty; thực hiện quyền và trách nhiệm theo đúng thẩm quyền, đúng pháp luật; bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của công ty; bảo đảm để Chủ tịch, Giám đốc chủ động điều hành công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 3. Quyền, trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; chủ trương tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ của các công ty;

c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, nhóm B hằng năm và thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát;

d) Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao của các công ty.

2. Là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của tỉnh; Xây dựng kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh theo giai đoạn và hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Tổ chức đôn đốc thực hiện sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp theo kế hoạch;

3. Giám sát, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

Điều 4. Quyền, trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của các công ty;

b) Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác;

c) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty; phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của công ty và đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận;

d) Chấp thuận để Chủ tịch công ty phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;

đ) Phê duyệt phương án thanh lý đối với tài sản trực tiếp phục vụ nhiệm vụ công ích của các công ty sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

e) Đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành công ty.

2. Tham gia ý kiến đối với dự án đầu tư mua sắm ô tô, thiết bị chuyên dùng, tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch công ty có giá trị trên 01 tỷ đồng; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch công ty có giá trị còn lại lớn hơn 500 triệu đồng.

3. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của các doanh nghiệp.

Điều 5. Quyền, trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; luân chuyển, điều động; từ chức, miễn nhiệm; đánh giá; khen thưởng, kỷ luật; thôi việc, nghỉ hưu và quản lý hồ sơ đối với các chức danh: Chủ tịch công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên trong các công ty.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển xếp lương của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên do mình bổ nhiệm.

Điều 6. Quyền, trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quỹ lương, thù lao thực hiện hằng năm của viên chức quản lý công ty.

2. Giám sát, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của công ty.

Điều 7. Quyền, trách nhiệm của Chủ tịch công ty

1. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.

5. Đề nghị Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của công ty; phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài.

3. Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; luân chuyển, điều động; từ chức, miễn nhiệm; đánh giá; khen thưởng, kỷ luật; thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên công ty.

4. Căn cứ quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh: Ban hành Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của công ty; việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết; việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác.

5. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của công ty và gửi quyết định đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, giám sát.

6. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật; thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty; Quyết định lương đối với các chức danh do Chủ tịch công ty bổ nhiệm.

7. Cử Người đại diện phần vốn góp của công ty tại doanh nghiệp khác;

8. Quyết định dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% vốn điều lệ của công ty. Đối với dự án đầu tư mua sắm ô tô, thiết bị chuyên dùng, tài sản có giá trị trên 01 tỷ đồng chỉ được quyết định đầu tư sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Tài chính.

9. Quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhưng không quá mức dự án nhóm B. Đối với những tài sản có giá trị còn lại trên 500 triệu đồng chỉ được quyết định thanh lý sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Tài chính.

10. Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

11. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty.

12. Căn cứ quyết định duyệt Đề án tổng thể của Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đảm bảo phù hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

13. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan quản lý chuyên ngành về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

Mục 2

QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NẴM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 8. Quyền, trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận để Người đại diện quyết định những nội dung sau tại doanh nghiệp:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, nhóm B hàng năm.

2. Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Quyền, trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc nắm giữ, tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

2. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận để Người đại diện quyết định những nội dung sau tại doanh nghiệp:

a) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

b) Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc doanh nghiệp;

c) Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;

d) Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

đ) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm.

3. Giới thiệu Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp là cán bộ của Sở Tài chính gửi Sở Nội vụ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp; kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

Điều 10. Quyền, trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định mức lương, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác của Người đại diện.

2. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận để Người đại diện quyết định những nội dung sau tại doanh nghiệp:

a) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát.

b) Việc đề cử để bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc doanh nghiệp;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó giám đốc doanh nghiệp.

Điều 11. Quyền, trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận để Người đại diện quyết định những nội dung sau tại doanh nghiệp:

1. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc doanh nghiệp;

2. Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

Điều 12. Quyền, trách nhiệm của Người đại diện

1. Thực hiện đúng nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Báo cáo thường xuyên cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

Mục 3

QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ KHÔNG QUÁ 50% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 13. Quyền, trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Là đầu mối tiếp nhận báo cáo của Người đại diện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

Điều 14. Quyền, trách nhiệm của Sở Nội vụ

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định mức lương, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác của Người đại diện.

Điều 15. Quyền, trách nhiệm của Người đại diện

1. Quyết định những nội dung sau tại doanh nghiệp:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

- b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
 - c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - d) Việc đề cử để bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát; đề cử để bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;
 - đ) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp;
 - e) Chủ trương thành lập công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - g) Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;
 - h) Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm của doanh nghiệp.
2. Báo cáo thường xuyên cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính tình hình sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
3. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

Chương III

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 16. Giám sát tài chính đối với Công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu

1. Nội dung giám sát: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ;

Điều 4 Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

2. Phương thức giám sát:

a) Sở Tài chính phối hợp với Thanh tra tỉnh, Kiểm toán nhà nước thực hiện giám sát tài chính đối với Công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu bằng việc kết hợp các phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong và giám sát sau;

b) Giám sát tài chính được thực hiện theo kế hoạch giám sát hàng năm hoặc giám sát đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Kế hoạch giám sát tài chính hàng năm đối với các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thông báo cho doanh nghiệp vào Quý 1 hàng năm;

c) Việc kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất và phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Điều 17. Giám sát tài chính tại doanh nghiệp có vốn nhà nước

1. Nội dung giám sát: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 21 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Phương thức giám sát: Thực hiện thường xuyên theo các báo cáo định kỳ của Người đại diện. Trường hợp cần thiết Sở Tài chính tiến hành thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

Điều 18. Đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

1. Đối với Công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu:

a) Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính;

b) Chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính;

c) Phương pháp đánh giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước:

Người đại diện vận dụng các tiêu chí và phương pháp đánh giá đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều này để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Là đơn vị đầu mối giám sát và tổng hợp giám sát doanh nghiệp.

2. Căn cứ tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu để xác định mục tiêu

giám sát đối với từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Lập và tổng hợp kế hoạch giám sát tài chính doanh nghiệp hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Giao Giám đốc Sở Tài chính được thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch giám sát tài chính đột xuất doanh nghiệp.

3. Tổ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo tài chính năm của các công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu. Việc thẩm định Báo cáo tài chính có thể thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp.

4. Tổ chức giám sát thường xuyên đối với các công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu theo đúng kế hoạch. Căn cứ báo cáo tài chính của doanh nghiệp, báo cáo của các cơ quan kiểm toán, thanh tra, kết quả giám sát trực tiếp tại doanh nghiệp và các báo cáo khác có liên quan; đánh giá và xem xét hiệu quả sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, tình hình thanh khoản và khả năng trả nợ của doanh nghiệp nhằm sớm phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu hoạt động kém hiệu quả và có khả năng mất an toàn về tài chính. Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng trong các phát hiện, cân nhắc các hình thức xử lý đối với doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo một trong các hình thức sau:

a) Có văn bản nhắc nhở lãnh đạo doanh nghiệp và khuyến nghị các biện pháp xử lý; tiếp tục giám sát tình hình tiếp thu và thực hiện khuyến nghị của doanh nghiệp;

b) Có văn bản nhắc nhở lãnh đạo doanh nghiệp và đề ra các biện pháp xử lý; tiếp tục giám sát tình hình tiếp thu thực hiện chỉ đạo của chủ sở hữu. Đồng thời Sở Tài chính tăng tần suất giám sát gián tiếp thông qua việc yêu cầu doanh nghiệp, Kiểm soát viên báo cáo bổ sung theo các chuyên đề cụ thể, thời gian báo cáo nhanh hơn;

c) Quyết định đưa doanh nghiệp vào diện giám sát đặc biệt, thông báo với các cơ quan có liên quan để xử lý theo quy trình giám sát đặc biệt;

d) Thực hiện xử lý kỷ luật đối với lãnh đạo doanh nghiệp theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Định kỳ (sáu tháng và hàng năm), chủ trì lập báo cáo kết quả giám sát tài chính gửi Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp, trong đó có các nội dung về chi phí tiền lương, thu nhập của người lao động, viên chức quản lý doanh nghiệp.

Điều 21. Trách nhiệm của Thanh tra tỉnh

1. Chủ trì lập kế hoạch thanh tra các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh hàng năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và gửi Sở Tài chính để tổng hợp Kế hoạch giám sát tài chính theo quy định.

2. Thực hiện Thanh tra các doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra và kế hoạch giám sát đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Kết luận thanh tra đối với các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh đồng gửi cho Sở Tài chính để tổng hợp.

Điều 22. Trách nhiệm của Kiểm soát viên tại các doanh nghiệp

1. Có ý kiến về thẩm định báo cáo giám sát tài chính 6 tháng và hàng năm của các doanh nghiệp gửi Sở Tài chính trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo giám sát tài chính của doanh nghiệp.

2. Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện việc kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót và không gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Điều 23. Trách nhiệm của các Công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu

1. Thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tình hình tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp gửi Sở Tài chính theo quy định.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Tài chính và các cơ quan chức năng thực hiện giám sát trực tiếp bằng hình thức kiểm tra tại doanh nghiệp.

3. Khi có cảnh báo của Ủy ban nhân dân tỉnh về những nguy cơ rủi ro tài chính, quản lý tài chính của doanh nghiệp, phải xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ, giúp làm cho tình hình tài chính, công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp tốt lên.

4. Thực hiện đầy đủ kịp thời các chỉ đạo, khuyến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh trong các báo cáo giám sát. Định kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu, phải gửi báo cáo kết quả thực hiện các chỉ đạo, khuyến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh về Sở Tài chính để tổng hợp. Thời gian gửi báo cáo cùng với báo cáo đánh giá tình hình tài chính quy định tại Điều 25 Quy chế này.

5. Tự tổ chức giám sát tài chính trong nội bộ doanh nghiệp theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy trong tổ chức của doanh nghiệp để thực hiện việc giám sát này. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, doanh nghiệp phải báo cáo kết quả công tác giám sát tài chính nội bộ gửi Sở Tài chính để tổng hợp. Thời gian gửi báo cáo cùng với báo cáo đánh giá tình hình tài chính quy định tại Điều 25 Quy chế này.

6. Các doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt có trách nhiệm:

a) Thực hiện chế độ báo cáo theo các nội dung quy định tại Điều 12 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Quy trình giám sát tài chính đặc biệt, xử lý đối với doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt được thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 24. Người đại diện tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước có trách nhiệm

Lập báo cáo giám sát tài chính và báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp gửi Sở Tài chính theo quy định.

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Đối với Công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu:

a) Báo cáo đánh giá tình hình tài chính:

Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Chủ tịch công ty phải lập Báo cáo đánh giá tình hình tài chính theo các nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 2, Điều 4 Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính gửi cho Sở Tài chính;

Thời điểm nộp báo cáo cùng với thời điểm nộp báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc năm theo quy định của chế độ kế toán. Riêng báo cáo bất thường, báo cáo theo yêu cầu phải nộp theo thời hạn quy định của cơ quan yêu cầu báo cáo. Đối với doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt phải gửi báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm.

b) Báo cáo giám sát tài chính và Báo cáo kết quả giám sát tài chính:

Sở Tài chính lập Báo cáo giám sát tài chính và Báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp thuộc tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi Bộ Tài chính trước ngày 31/8 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31/5 năm sau đối với báo cáo năm.

c) Báo cáo đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp gửi báo cáo đánh giá hiệu quả và xếp loại của năm báo cáo cho Sở Tài chính trước ngày 30/4 năm sau. Báo cáo được lập theo Biểu 01 và Biểu 02 - Mẫu số 04 quy định kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xếp loại doanh nghiệp và gửi kết quả xếp loại năm báo cáo của các doanh nghiệp cho Bộ Tài chính trước ngày 31/5 năm sau.

2. Đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước:

a) Định kỳ 6 tháng, hàng năm, Người đại diện tại doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 21 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Biểu 01 - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, gửi Sở Tài chính trước ngày 31/7 hàng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31/3 năm sau đối với báo cáo hàng năm;

b) Định kỳ hàng năm, Người đại diện tại doanh nghiệp nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại

Khoản 2, Điều 21 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Biểu 02 - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, gửi Sở Tài chính trước ngày 31/3 năm sau;

c) Căn cứ báo cáo giám sát tài chính của Người đại diện, Sở Tài chính lập báo cáo kết quả giám sát tài chính theo Biểu 03 - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi Bộ Tài chính trước ngày 31/8 cùng năm đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 31/5 năm sau đối với báo cáo năm;

d) Định kỳ hàng năm, Người đại diện tại doanh nghiệp có vốn nhà nước lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp gửi Sở Tài chính trước ngày 30/4 năm sau. Báo cáo được lập theo Biểu 01 - Mẫu số 04 quy định kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là căn cứ để Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh việc đầu tư mở rộng hay rút bớt vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các đơn vị, cá nhân tham gia quản lý, giám sát doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện đúng theo Quy chế này. Nếu trong quá trình thực hiện cố ý làm sai các quy định về quản lý, giám sát thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch các doanh nghiệp nếu để xảy ra sai phạm trong quá trình tổ chức quản lý hoạt động của doanh nghiệp thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử phạt và bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc thì các sở, ngành, các doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để xem xét, nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Doãn Văn Hưởng